

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÁT TRIỂN NÔNG  
NGHIỆP HÒA PHÁT**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT  
TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT  
DN: C=VN, L=HUNG YÊN, CN=CÔNG TY CỔ  
PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0900986272  
Reason: I am the author of this document  
Location:  
Date: 2026.10.27 14:20:56+07'00'  
Foxit PDF Reader Version: 12.1.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN  
NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT  
HOA PHAT AGRICULTURE  
DEVELOPMENT JOINT STOCK  
COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**  
-----

-----  
Số: 39/2026/TB-PTNN  
No.: 39/2026/TB-PTNN

Hung Yên, ngày 27 tháng 10 năm 2026  
Hung Yen, day 27 month 10 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**To: Hochiminh Stock Exchange/State Securities Commission of Vietnam**

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT/ HOA PHAT AGRICULTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: HPA

- Địa chỉ/Address: Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02462797000

Fax:

- E-mail: ir.hpa@hoaphat.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Quý 3/2026/ Consolidated and separate Financial Statement Quarter 3/2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/10/2026 tại đường dẫn : <https://nongnghiep.hoaphat.com.vn/>

*This information was published on the company's website on 27/10/2026, as in the link: <https://nongnghiep.hoaphat.com.vn.>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*



Tài liệu đính kèm/Attached documents: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Q3/2026 / Consolidated and separate Financial Statement Quarter 3/2026.

Đại diện tổ chức  
Organization representative 



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phạm Thị Hồng Vân*



**Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát**

Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                        | Mã số      | Thuyết minh | 30/09/2026               | 01/01/2026               |
|------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                |            |             |                          |                          |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     | <b>100</b> |             | <b>524.377.515.112</b>   | <b>1.057.291.764.025</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>32.940.793.200</b>    | <b>441.475.459.416</b>   |
| 1. Tiền                                        | 111        |             | 6.837.074.223            | 441.475.459.416          |
| 2. Tương đương tiền                            | 112        |             | 26.103.718.977           | -                        |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>120</b> |             | <b>12.241.210.548</b>    | <b>-</b>                 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn             | 123        |             | 12.241.210.548           | -                        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> | <b>5</b>    | <b>478.956.875.000</b>   | <b>615.816.304.609</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn khác                      | 135        |             | 478.956.875.000          | 615.816.304.609          |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>               | <b>160</b> |             | <b>238.636.364</b>       | <b>-</b>                 |
| 1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn                | 161        |             | 238.636.364              | -                        |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>3.759.320.322.662</b> | <b>2.549.311.082.057</b> |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 31.200.000               | 31.200.000               |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (31.200.000)             | (31.200.000)             |
| 2. Tài sản cố định vô hình                     | 227        |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | 150.860.000              | 150.860.000              |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (150.860.000)            | (150.860.000)            |
| <b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>            | <b>260</b> | <b>6</b>    | <b>3.759.250.000.000</b> | <b>2.549.250.000.000</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                      | 261        |             | 3.759.250.000.000        | 2.549.250.000.000        |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>270</b> |             | <b>70.322.662</b>        | <b>61.082.057</b>        |
| 1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn                 | 271        |             | 70.322.662               | 61.082.057               |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>         | <b>280</b> |             | <b>4.283.697.837.774</b> | <b>3.606.602.846.082</b> |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                    | Mã số      | Thuyết minh | 30/09/2026               | 01/01/2026               |
|----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|                                              |            |             |                          |                          |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>300</b> |             | <b>4.052.048.541</b>     | <b>440.076.680.163</b>   |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                        | <b>310</b> |             | <b>4.052.048.541</b>     | <b>440.076.680.163</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn               | 311        |             | 444.472.223              | 278.865.043              |
| 2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận                | 313        |             | 105.000.000              | -                        |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 314        |             | 21.373.940               | 792.670                  |
| 4. Phải trả người lao động                   | 315        |             | 99.982.069               | 170.868.050              |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 316        |             | 69.318.749               | 487.620.000              |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                    | 320        |             | 14.607.160               | 439.031.525.000          |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | 323        |             | 3.297.294.400            | 107.009.400              |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> | <b>7</b>    | <b>4.279.645.789.233</b> | <b>3.166.526.165.919</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                    | 411        |             | 2.850.000.000.000        | 2.550.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết     | 411a       |             | 2.850.000.000.000        | 2.550.000.000.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                      | 412        |             | 911.866.210.000          | -                        |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         | 420        |             | 517.779.579.233          | 616.526.165.919          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước | 420a       |             | 518.407.174.341          | -                        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này   | 420b       |             | (627.595.108)            | 616.526.165.919          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>     | <b>440</b> |             | <b>4.283.697.837.774</b> | <b>3.606.602.846.082</b> |



 Nguyễn Thị Hồng Thắng  
 Người lập biểu/Kế toán trưởng

 Phạm Thị Hồng Vân  
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 10 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Quý 3 năm 2026

| CHỈ TIÊU                                                           | Mã số | Thuyết minh | Quý 3 năm 2026 |  |  | Quý 3 năm 2025 |  |  | 9 tháng năm 2026 |  |  | 9 tháng năm 2025 |  |  |
|--------------------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------|--|--|----------------|--|--|------------------|--|--|------------------|--|--|
|                                                                    |       |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                             | 01    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                                       | 02    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)         | 10    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Giá vốn hàng bán                                                   | 11    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)           | 20    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư             | 21    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                      | 22    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Chi phí tài chính                                                  | 23    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                                          | 24    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Chi phí bán hàng                                                   | 25    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                       | 26    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21+(22-23)-(25+26)) | 30    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Thu nhập khác                                                      | 31    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Chi phí khác                                                       | 32    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| (Lỗ) khác (40=31-32)                                               | 40    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)                       | 50    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                       | 51    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                        | 52    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)                | 60    |             |                |  |  |                |  |  |                  |  |  |                  |  |  |



*[Handwritten signature]*

**Nguyễn Thị Hồng Thắng**  
Người lập biểu/Kế toán trưởng

**Phạm Thị Hồng Vân**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 10 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ từ 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                       | Mã số | 9 tháng năm 2026    | 9 tháng năm 2025    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------|---------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                              |       |                     |                     |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                        | 01    | 502.953.413.314     | 1.365.894.985.079   |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                                   |       |                     |                     |
| Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                        | 05    | (505.198.085.548)   | (1.366.467.324.999) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                               | 08    | (2.244.672.234)     | (572.339.920)       |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09    | -                   | 120.457.798         |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | (917.786.422)       | (661.053.500)       |
| Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ                                                                 | 12    | (247.876.969)       | 19.741.935          |
| Thuế TNDN đã nộp                                                                               | 15    | -                   | (7.713.398)         |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         | 17    | (9.715.000)         | (13.300.000)        |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                  | 20    | (3.420.050.625)     | (1.114.207.085)     |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                                 |       |                     |                     |
| 1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                        | 23    | (12.000.000.000)    | -                   |
| 2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24    | -                   | 51.700.000.000      |
| 3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                     | 25    | (1.210.000.000.000) | -                   |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 26    | -                   | 199.950.000.000     |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                         | 27    | 640.762.904.609     | 1.366.642.963.355   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                      | 30    | (581.237.095.391)   | 1.618.292.963.355   |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                             |       |                     |                     |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                 | 31    | 774.517.479.800     | -                   |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành                                 | 32    | -                   | (250.000.000.000)   |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                     | 36    | (598.395.000.000)   | (1.367.952.674.095) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                                   | 40    | 176.122.479.800     | (1.617.952.674.095) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)                                                   | 50    | (408.534.666.216)   | (773.917.825)       |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                                | 60    | 441.475.459.416     | 4.734.120.370       |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)                                                 | 70    | 32.940.793.200      | 3.960.202.545       |

Nguyễn Thị Hồng Thắng  
Người lập biểu/Kế toán trưởngPhạm Thị Hồng Vân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 21 tháng 10 năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3 NĂM 2026**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0900986272 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2016 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 11 ngày 13 tháng 01 năm 2026.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư tài chính.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các Công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 như sau:

| STT | Tên công ty con                                  | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính                                                                    |
|-----|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát                 | Hà Nội                     | 99,9479%          | 99,9479%                      | Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch       |
| 2   | Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát    | Hưng Yên                   | 99,9875%          | 99,9875%                      | Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt                                            |
| 3   | Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên | Hưng Yên                   | 100%              | 100%                          | Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản |
| 4   | Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ        | Phú Thọ                    | 100%              | 100%                          | Chăn nuôi gia cầm                                                                  |

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY****Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

**Ghi nhận doanh thu*****Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi từ hoạt động đầu tư***

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con của Công ty, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát – công ty mẹ, và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

#### 4. TIỀN

|                                 | 30/09/2026            | 01/01/2026             |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                 | VND                   | VND                    |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.837.074.223         | 441.475.459.416        |
| Các khoản tương đương tiền (*)  | 26.103.718.977        | -                      |
|                                 | <b>32.940.793.200</b> | <b>441.475.459.416</b> |

(\*) Thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, chứng chỉ tiền gửi với mục đích nắm giữ không quá 3 tháng và lãi dự thu với lãi suất từ 4,75% đến 6,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: Không).

#### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

|                                         | 30/09/2026             | 01/01/2026             |
|-----------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                         | VND                    | VND                    |
| Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia | 478.956.875.000        | 614.762.904.609        |
| Các khoản phải thu khác                 | -                      | 1.053.400.000          |
|                                         | <b>478.956.875.000</b> | <b>615.816.304.609</b> |

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

|                                                  | 30/09/2026               |          |                | 01/01/2026               |          |                |
|--------------------------------------------------|--------------------------|----------|----------------|--------------------------|----------|----------------|
|                                                  | VND                      |          |                | VND                      |          |                |
|                                                  | Giá gốc                  | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc                  | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                    |                          |          |                |                          |          |                |
| Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát                 | 959.500.000.000          | -        | (i)            | 799.500.000.000          | -        | (i)            |
| Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát    | 1.999.750.000.000        | -        | (i)            | 999.750.000.000          | -        | (i)            |
| Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên | 400.000.000.000          | -        | (i)            | 400.000.000.000          | -        | (i)            |
| Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ        | 400.000.000.000          | -        | (i)            | 350.000.000.000          | -        | (i)            |
|                                                  | <b>3.759.250.000.000</b> |          |                | <b>2.549.250.000.000</b> |          |                |

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.

**7. VỐN CHỦ SỞ HỮU**
**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

|                                | Vốn góp của chủ sở hữu   | Thặng dư vốn cổ phần   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng                |
|--------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
|                                | VND                      |                        | VND                               | VND                      |
| <b>Tại ngày 01/01/2025</b>     | <b>2.800.000.000.000</b> | -                      | <b>4.825.507.993</b>              | <b>2.804.825.507.993</b> |
| Giảm vốn trong kỳ              | (250.000.000.000)        | -                      | -                                 | (250.000.000.000)        |
| Lợi nhuận trong kỳ             | -                        | -                      | 1.979.664.361.523                 | 1.979.664.361.523        |
| Chia cổ tức                    | -                        | -                      | (1.367.963.703.597)               | (1.367.963.703.597)      |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b>     | <b>2.550.000.000.000</b> | -                      | <b>616.526.165.919</b>            | <b>3.166.526.165.919</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2026</b>     | <b>2.550.000.000.000</b> | -                      | <b>616.526.165.919</b>            | <b>3.166.526.165.919</b> |
| Tăng vốn IPO trong kỳ          | 300.000.000.000          | 911.866.210.000        | -                                 | 1.211.866.210.000        |
| Lợi nhuận trong kỳ             | -                        | -                      | 502.953.413.314                   | 502.953.413.314          |
| Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi | -                        | -                      | (3.200.000.000)                   | (3.200.000.000)          |
| Chi trả cổ tức                 | -                        | -                      | (598.500.000.000)                 | (598.500.000.000)        |
| <b>Tại ngày 30/09/2026</b>     | <b>2.850.000.000.000</b> | <b>911.866.210.000</b> | <b>517.779.579.233</b>            | <b>4.279.645.789.233</b> |

**8. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                             | Quý 3 năm 2026     | Quý 3 năm 2025         |
|-----------------------------|--------------------|------------------------|
|                             | VND                | VND                    |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay  | 306.653.281        | 1.931.560              |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | -                  | 455.000.000.000        |
|                             | <b>306.653.281</b> | <b>455.001.931.560</b> |

**9. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                         | Quý 3 năm 2026     | Quý 3 năm 2025     |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
|                         | VND                | VND                |
| Chi phí nhân viên       | 447.690.479        | -                  |
| Chi phí mua ngoài, khác | 486.557.910        | 538.994.298        |
|                         | <b>934.248.389</b> | <b>538.994.298</b> |

**10. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH**

Trong Quý III năm 2026 Công ty ghi nhận lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp 628 triệu đồng, giảm 455.091 triệu đồng tương ứng với 100,14% so với cùng kỳ năm 2025 (Quý III năm 2025 lợi nhuận sau thuế 454.463 triệu đồng), biến động này chủ yếu là do lợi nhuận công ty con chuyển về giảm 455.000 triệu đồng.



Nguyễn Thị Hồng Thắng  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Vân  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2026

